

Số: 12/QĐ - ĐHHV-QLKH

Phú Thọ, ngày 07 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành một số quy định về hoạt động Sở hữu trí tuệ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-UB ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Hùng Vương;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế;

QUYẾT ĐỊNH:

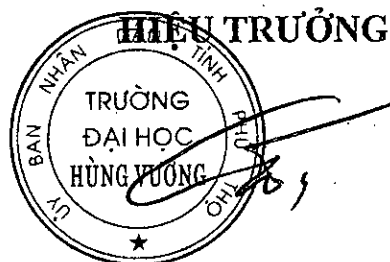
Điều 1. Ban hành các quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Hùng Vương bao gồm: Quy định về kế hoạch chiến lược và chính sách về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Hùng Vương; Quy chế hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Hùng Vương; Quy định về khai thác thương mại và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; Quy định về chế độ tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ;

Điều 2. Các văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế và các trưởng đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Hiệu trưởng, các Phó HT;
- Lưu: QLKH, VT.



PGS.TS Cao Văn

QUY ĐỊNH

Về chế độ tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-ĐHHV ngày 07 / 04 /2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy định này hướng dẫn các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng kinh phí cho hoạt động sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Kinh phí thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ được bảo đảm từ các nguồn:

- Ngân sách Nhà nước bảo đảm và bố trí trong dự toán chi ngân sách của tỉnh Phú Thọ cho Trường Đại học Hùng Vương, theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật;

- Kinh phí từ việc phân chia lợi nhuận sau khai thác thương mại tài sản trí tuệ mà Nhà trường được hưởng theo Quy định về Khai thác thương mại và thực thi quyền sở hữu trí tuệ (Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHV ngày tháng năm 2014);

- Kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Quy trình lập dự toán, phân bổ, giao dự toán chi ngân sách và chế độ thanh quyết toán thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Trường Đại học Hùng Vương thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư thực hiện các hoạt động sở hữu trí tuệ có hiệu quả, lồng ghép và không trùng lặp với các Chương trình, dự án khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản trí tuệ là sản phẩm do con người tạo ra trong quá trình lao động sáng tạo, bao gồm: Tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; phần mềm máy tính; sáng chế; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu; chỉ dẫn địa lý; tên thương mại; thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; giống cây trồng mới và các sản phẩm trí tuệ có giá trị khác.

2. Khai thác tài sản trí tuệ là việc đưa các tài sản trí tuệ vào áp dụng, sử dụng, quản lý trong thực tế nhằm tạo ra các lợi ích, ưu thế cho chủ sở hữu, người tham gia vào việc áp dụng, sử dụng tài sản trí tuệ đó và cho xã hội.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung chi của các hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Chi hoạt động chung của các hoạt động sở hữu trí tuệ:

- Hoạt động tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn về sở hữu trí tuệ, triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết các hoạt động sở hữu trí tuệ hàng năm;
- Xây dựng, biên soạn, in ấn các tài liệu liên quan đến quản lý và thực hiện các hoạt động sở hữu trí tuệ;
- Thù lao trách nhiệm cho Trung tâm Sở hữu trí tuệ;
- Đoàn ra, đoàn vào (nếu có);
- Hoạt động thường xuyên cho Trung tâm Sở hữu trí tuệ;
- Điều tra, khảo sát phục vụ xây dựng và phê duyệt các đề tài, dự án quan trọng phục vụ việc khai thác, nhân rộng và phổ biến mô hình;
- Mua, sửa chữa thiết bị văn phòng của Trung tâm Sở hữu trí tuệ;
- Thuê chuyên gia tư vấn (nếu có) về các nội dung, nhiệm vụ phát sinh trong quá trình quản lý và thực hiện các nội dung của hoạt động sở hữu trí tuệ;
- Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động chung của Trung tâm Sở hữu trí tuệ.

2. Chi xây dựng, đăng ký, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ; tiến hành xây dựng hồ sơ, tiến hành các thủ tục xác lập quyền; tổ chức quản lý và sử dụng đối tượng được bảo hộ trên thực tế, bảo vệ và phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ.

3. Chi hỗ trợ xây dựng và áp dụng các quy trình quản lý, kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao giá trị tài sản trí tuệ:

- Xây dựng, áp dụng các biện pháp, quy trình quản lý các sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;
- Áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ mới để quản lý, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ.

4. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai các hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép đối tượng sở hữu trí tuệ:

- Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho các cán bộ thuộc Trung tâm Sở hữu trí tuệ;
- Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động phối hợp, trao đổi thông tin, nâng cao năng lực cho cán bộ Trung tâm Sở hữu trí tuệ.

5. Chi hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, xây dựng và phổ biến các mô hình thúc đẩy chuyển giao tài sản trí tuệ; nghiên cứu, hướng dẫn xác định phương pháp định giá tài sản trí tuệ phục vụ doanh nghiệp trong quá trình chia tách, cổ phần hoá và các nhu cầu định giá tài sản trí tuệ khác.

Điều 5. Mức chi và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Đối với nhiệm vụ chi quy định từ Khoản 2 đến Khoản 5 Điều 4 Quy định này được xây dựng dưới hình thức các dự án khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT/BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện khoán kinh phí theo quy chế chi tiêu kinh phí của dự án đã được thống nhất giữa thủ trưởng tổ chức chủ trì với chủ

nhiệm dự án được quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và thực hiện các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Đối với các nhiệm vụ chi hoạt động chung quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này thực hiện theo quy định tại các văn bản hiện hành.

2. Tùy theo từng nội dung chi quy định tại Điều 4 Quy định này, ngân sách của Trường bảo đảm toàn bộ hay một phần tổng kinh phí các các hoạt động sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a. Ngân sách của Trường bảo đảm 100% kinh phí đối với:

- Chi hoạt động chung;

- Các nội dung chi nêu tại các Khoản 2 Điều 4 của Quy định này;

b. Ngân sách của Trường hỗ trợ từ 50% đến 70% tổng kinh phí để thực hiện dự án thực hiện các nội dung quy định tại các Khoản từ 3 đến 5 Điều 4 của Quy định này.

Điều 6. Chi thù lao trách nhiệm

Mức chi thù lao trách nhiệm của thành viên Trung tâm Sở hữu trí tuệ

- Giám đốc: phụ cấp 0,4;

- Thành viên: 200.000 đồng/người/tháng.

Điều 7. Phân định nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách của Trường: Bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động chung của Trung tâm Sở hữu trí tuệ;

2. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước:

- Nếu việc đóng góp của các tổ chức, cá nhân kèm theo thỏa thuận điều kiện thực hiện về quản lý, sử dụng thì việc quản lý, sử dụng phần kinh phí này thực hiện theo thỏa thuận đó;

- Nếu việc đóng góp của các tổ chức, cá nhân không kèm theo thỏa thuận điều kiện thực hiện về quản lý, sử dụng thì phần kinh phí đóng góp này được giảm trừ trước khi tính theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Nhà nước và các đơn vị được hưởng lợi. Đồng thời thực hiện việc quản lý, sử dụng, quyết toán phần kinh phí này theo quy định chung hiện hành.

Điều 8. Lập dự toán chi ngân sách

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của Trung tâm Sở hữu trí tuệ việc lập dự toán kinh phí được thực hiện.

1. Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách của Trường: lập dự toán chi ngân sách để thực hiện các hoạt động của Trung tâm và chi hoạt động chung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí khác.


Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung phải thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và được Hiệu trưởng phê duyệt

Điều 10. Hướng dẫn thi hành

Phòng QLKH&QHQT, Trung tâm Sở hữu trí tuệ, Ban lãnh đạo các khoa, Thủ trưởng các phòng ban, trung tâm có nhiệm vụ tổ chức triển khai, hướng dẫn chi tiết nội dung quy chế này đến toàn thể giảng viên, cán bộ công nhân trong đơn vị nghiêm túc thực hiện. 

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Cao Văn

QUY CHẾ

Hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Hùng Vương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-ĐHHV ngày 07/ 01/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

2. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

3. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

4. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

5. *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo, hoặc phát hiện và phát triển, hoặc được hưởng quyền sở hữu.

6. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

7. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

8. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

9. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

10. *Giống cây trồng* là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.

11. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

12. *Mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

13. *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

14. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

15. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ để phân biệt với chủ thể kinh doanh, dịch vụ khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh, dịch vụ.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bạn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

16. *Bí mật kinh doanh* là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

Điều 2. Mục tiêu quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Hùng Vương

Khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ của Trường Đại học Hùng Vương (sau đây gọi tắt là Trường), của các tổ chức và cá nhân trong Trường.

Điều 3. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ của Trường

1. Đối tượng quyền tác giả và quyền liên quan đối với tác phẩm là giáo trình, bài giảng, báo cáo khoa học, các bản ghi âm, ghi hình...

2. Đối tượng quyền đối với các giống cây trồng.

3. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại...

Điều 4. Nội dung quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

Trường Đại học Hùng Vương thực hiện quản lý các hoạt động sở hữu trí tuệ sau đây:

1. Thành lập Trung tâm Sở hữu trí tuệ là bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ.

2. Xây dựng quy trình, thủ tục phát hiện, khai báo tài sản trí tuệ; xác lập quyền và khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

3. Xác định quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ.

4. Xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia thu nhập từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ.
5. Xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ.
6. Quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào hoạt động sở hữu trí tuệ và thi hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường.
7. Kiểm tra việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ trong Trường.
8. Xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm.
9. Xây dựng cơ chế tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ.

Điều 5. Tổ chức hoạt động và chức năng của Trung tâm Sở hữu trí tuệ

Bộ phận chuyên trách của Trường Đại học Hùng Vương là Trung tâm sở hữu trí tuệ trực thuộc Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế có chức năng giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ.
2. Tổ chức việc ghi nhận, khai báo, quản lý tài sản trí tuệ.
3. Tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ.
4. Giám sát việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
5. Tổ chức khai thác thương mại tài sản trí tuệ.
6. Định kỳ hằng năm và 5 năm tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ; xây dựng định hướng, chiến lược phát triển trong 5 năm tiếp theo; thực hiện chế độ báo cáo, đề xuất mức độ và hình thức khen thưởng hoặc xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.
7. Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường.

Điều 6. Các sản phẩm trí tuệ của Trường

1. Trường Đại học Hùng Vương là **chủ sở hữu quyền** các sản phẩm trí tuệ do cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Trường sáng tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

- a. Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác quốc tế thông qua Trường, hoặc từ kinh phí của Trường (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc).
 - b. Sử dụng thời gian làm việc hành chính; cơ sở vật chất của Trường.
 - c. Trường giao nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng, đơn vị thuộc Trường thực hiện.
 - d. Trường ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm.
 - e. Đối với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng và lao động hợp đồng khi ký hợp đồng làm việc với Trường, phải cam kết bằng văn bản nếu có sản phẩm trí tuệ sáng tạo ra, quyền sở hữu các sản phẩm đó thuộc về Trường Đại học Hùng Vương.
2. Các sản phẩm trí tuệ của Trường thống nhất quản lý bao gồm:

a) Tác phẩm nghệ thuật và kết quả nghiên cứu khoa học do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác, bao gồm: Tác phẩm khoa học, sách giáo trình, bài giảng, bài báo khoa học được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; Họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học; Chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu; Tác phẩm phái sinh nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.

b) Tên Trường, Logo, nhãn hiệu hàng hoá, hiệu dịch vụ của Trường (được hiểu là của cả các đơn vị thuộc Trường). Các sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hoá sản xuất, sáng chế; Quy trình công nghệ; Các bí mật kinh doanh; Linh phụ kiện mới, các máy móc, thiết bị mới chế tạo; Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp.

c) Các giống cây trồng.

d) Các sản phẩm liên kết với các đơn vị, cá nhân ngoài Trường (có văn bản thoả thuận -riêng cho từng loại sản phẩm và đóng góp của mỗi bên).

Điều 7. Tác giả và chủ sở hữu tài sản trí tuệ

1. Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra tài sản trí tuệ. Trong trường hợp có từ hai tác giả trở lên thì họ là đồng tác giả.

2. Chủ sở hữu tài sản trí tuệ có các nhóm:

a) Chủ sở hữu độc lập tài sản trí tuệ là Trường, các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Trường (Viện, Trung tâm, Công ty,...) và các cá nhân khi được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu tài sản trí tuệ tương ứng;

b) Đồng sở hữu:

- Đồng sở hữu trong Trường, đó là Trường và đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Trường (Viện, Trung tâm, Công ty,...) tổ chức thực hiện sáng tạo ra tài sản trí tuệ;

- Đồng sở hữu là cá nhân, tổ chức không thuộc Trường được hình thành thông qua hợp đồng nghiên cứu, sáng tạo ra tài sản trí tuệ,...;

3. Khi đăng ký bảo hộ hoặc thương mại tài sản trí tuệ chung phải có sự thoả thuận bằng văn bản của các đồng sở hữu.

Điều 8. Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tài sản trí tuệ

1. Quyền tác giả đối với sản phẩm trí tuệ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra thì họ là đồng tác giả.

a) Quyền nhân thân

- Đặt tên cho tác phẩm.

- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng.

- Được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

- Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng.

- Được công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm.

- Được bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

b) Quyền tài sản

- Đối với tác phẩm: Được làm tác phẩm phái sinh; sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm; chuyển giao sản phẩm; cho thuê bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm.

- Quyền tài sản của tác giả đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là quyền được nhận thù lao hoặc phân phối lợi nhuận theo quy định này.

2. Quyền của Chủ sở hữu tài sản trí tuệ

a) Các quyền quy định tại Điểm b Khoản 1 của Điều này do tác giả, Trường độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản, hoặc công bố sản phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

c) Được sản xuất hoặc nhân giống; chế biến nhằm mục đích nhân giống; chào hàng; bán hoặc thực hiện các hoạt động tiếp cận thị trường khác; xuất khẩu; nhập khẩu; lưu giữ giống.

d) Được sử dụng, cho phép người khác sử dụng hoặc ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 9. Phát hiện, khai báo, ghi nhận tài sản trí tuệ

1. Phát hiện tài sản trí tuệ

a) Các đơn vị, cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường có trách nhiệm khai báo bằng văn bản cho Trường thông qua Trung tâm Sở hữu trí tuệ các kết quả, sản phẩm phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ;

b) Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp hồ sơ của các nhiệm vụ KHCN, sáng kiến - cải tiến, biên soạn giáo trình, bài giảng, tài liệu chuyên khảo, tham khảo, luận án tiến sĩ, luận văn cao học, đề án tốt nghiệp... theo yêu cầu của Trung tâm Sở hữu trí tuệ.

2. Khai báo tài sản trí tuệ: Tập thể, cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ KHCN có khả năng tạo ra tài sản trí tuệ phải có trách nhiệm khai báo với Trung tâm Sở hữu trí tuệ.

3. Ghi nhận tài sản trí tuệ: Trung tâm Sở hữu trí tuệ ghi sổ theo dõi các tài sản trí tuệ đã được phát hiện, khai báo và cấp giấy biên nhận cho tác giả đã khai báo tài sản trí tuệ.

Điều 10. Quy trình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

1. Đăng ký bảo hộ đối với sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu hiệu, Nhãn hiệu, Kiểu dáng công nghiệp,...) tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ. Đăng ký bảo hộ giống cây trồng tại Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đăng ký bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan tại Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hoá - thể thao và Du lịch.

2. Các tác giả không được tự ý đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ khi chưa được Trường đồng ý.

3. Các tác giả có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Sở hữu trí tuệ làm các thủ tục đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ.

4. Đối với các tài sản trí tuệ của các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Trường, khi đăng ký phải ghi trong đơn đăng ký Trường và đơn vị là đồng chủ sở hữu. Nếu tài sản đó có nhiều người cùng sáng tạo ra, trong đơn đăng ký phải thoả thuận ghi các tác giả sáng tạo ra để bảo đảm quyền lợi đồng tác giả

5. Kinh phí đăng ký và duy trì bảo hộ:

a) Nếu có đồng chủ sở hữu, kinh phí đăng ký và duy trì bảo hộ sẽ phân chia theo tỷ lệ bằng nhau theo số chủ sở hữu.

b) Nếu chỉ có Trường là chủ sở hữu, kinh phí đăng ký và duy trì bảo hộ do Trường chi trả 100%.

6. Quy trình và thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ:

a) Tác giả chuẩn bị hồ sơ theo mẫu và theo hướng dẫn của Trung tâm Sở hữu trí tuệ.

b) Nộp đơn và lệ phí tại Trung tâm Sở hữu trí tuệ;

c) Trung tâm Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm nộp đơn và lệ phí cho cơ quan quản lý đăng ký bảo hộ;

d) Nếu đơn phải sửa chữa, Trung tâm Sở hữu trí tuệ liên hệ với tác giả để sửa chữa trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có công văn yêu cầu sửa chữa của cơ quan chức năng;

đ) Khi có thông báo kết quả xét duyệt đơn (công nhận hoặc không công nhận), Trung tâm Sở hữu trí tuệ gửi ngay thông báo cho tác giả.

e) Khi có bằng chứng nhận, Trung tâm Sở hữu trí tuệ lưu bản ccopy, gửi tác giả bản chính.

Điều 11. Trách nhiệm quản lý sản phẩm sở hữu trí tuệ của Trường

1. Trường, tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường giao cho Trung tâm Sở hữu trí tuệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các nhiệm vụ trên.

3. Trách nhiệm quản lý sở hữu trí tuệ của các đơn vị trực thuộc (khoa, phòng ban, trung tâm):

a) Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và thời gian cho cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng nghiên cứu sáng tạo ra sản phẩm trí tuệ;

b) Triển khai thực hiện các văn bản quản lý về sở hữu trí tuệ của Nhà nước và của Trường. Báo cáo Hiệu trưởng kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ thông qua Trung tâm Sở hữu trí tuệ;

c) Kiểm tra, đôn đốc tác giả sản phẩm trí tuệ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với Trường;

d) Trung tâm Sở hữu trí tuệ là đầu mối tổ chức và thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ; có trách nhiệm lưu giữ và bảo vệ các tài liệu, chứng cứ hỗ trợ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

4. Trách nhiệm của tác giả sản phẩm trí tuệ:

a) Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về sở hữu trí tuệ của Nhà nước và của Trường; các cam kết, thoả thuận với Trường.

b) Tham gia cùng với Trường xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng li-xăng sản phẩm trí tuệ.

c) Yêu cầu Trường xử lý và giải quyết các xung đột về quyền lợi quyền tác giả.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp và xử lý những vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ

1. Giải quyết tranh chấp

a) Các tranh chấp về sở hữu trí tuệ được khuyến khích giải quyết bằng hòa giải.

b) Trung tâm Sở hữu trí tuệ là đầu mối tổ chức hòa giải các tranh chấp về sở hữu trí tuệ.

c) Trường hợp hòa giải không thành, Trung tâm Sở hữu trí tuệ đề xuất phương án xử lý trình Hiệu trưởng phê duyệt chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày phát hiện xảy ra tranh chấp.

2. Xử lý những vi phạm quy định

a) Các cá nhân, đơn vị né tránh không khai báo tài sản trí tuệ mới sản sinh nhằm mục đích riêng, Hiệu trưởng sẽ hạ mức xếp loại của cá nhân trong tháng, hạ mức


danh hiệu thi đua của cá nhân, đơn vị năm học đó; đồng thời buộc cá nhân, tổ chức phải khai báo lại tài sản trí tuệ với Trường.

b) Các cá nhân, tổ chức tự ý đăng ký bảo hộ đối với tài sản trí tuệ thuộc Trường mà không thông qua Trường, Hiệu trưởng sẽ hạ 1 mức xếp loại lao động của cá nhân trong tháng, hạ 1 mức danh hiệu thi đua của cá nhân, tổ chức năm học đó; buộc cá nhân, tổ chức đó phải rút đơn đăng ký bảo hộ. Trường sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp văn bằng bảo hộ; đồng thời, cá nhân, tổ chức đó có trách nhiệm cùng với Trường tiến hành các thủ tục đăng ký lại tài sản trí tuệ đó theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

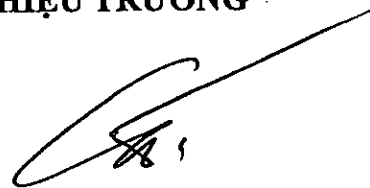
Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.
2. Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung phải thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và được Hiệu trưởng phê duyệt

Điều 14. Hướng dẫn thi hành

Phòng QLKH&QHQT, Trung tâm Sở hữu trí tuệ, Ban lãnh đạo các khoa, Thủ trưởng các phòng ban, trung tâm có nhiệm vụ tổ chức triển khai, hướng dẫn chi tiết nội dung quy chế này đến toàn thể giảng viên, cán bộ công nhân trong đơn vị nghiêm túc thực hiện. 

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Cao Văn

QUY ĐỊNH

Về khai thác thương mại và thực thi quyền sở hữu trí tuệ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-ĐHHV ngày 07 / 01 /2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

Điều 1. Xác định quyền sở hữu tài sản trí tuệ

1. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ được xác định bao gồm quyền chủ sở hữu và quyền sử dụng. Quyền chủ sở hữu là quyền của tổ chức, tập thể hoặc cá nhân cung cấp nguồn lực để tạo ra tài sản trí tuệ. Quyền sử dụng là quyền của tổ chức, tập thể hoặc cá nhân được phép sử dụng hợp pháp tài sản trí tuệ;
2. Quyền chủ sở hữu đối với tài sản trí tuệ được xác định tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn lực của các bên để tạo ra tài sản trí tuệ;
3. Quyền chủ sở hữu đối với kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước hoặc của Trường (sau đây gọi chung là của Trường) thuộc về Trường Đại học Hùng Vương;
4. Đối với tài sản trí tuệ được tạo ra bằng nguồn vốn của Trường và của bên ngoài, tỷ lệ quyền chủ sở hữu tương ứng với tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
5. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ phải xin phép và trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu tài sản trí tuệ;
6. Đồng sở hữu là các cá nhân, tập thể không được chuyển giao hay chuyển nhượng quyền tác giả tài sản trí tuệ khi chưa được sự đồng ý của Trường;

Điều 2. Chuyển giao quyền sử dụng tài sản trí tuệ

1. Chuyển giao quyền sử dụng độc quyền đối với tài sản trí tuệ: là việc Trường cho phép tổ chức, cá nhân khác độc quyền sử dụng một hoặc một số hành vi thuộc quyền sử dụng đối với tài sản trí tuệ của Trường (sản xuất, phân phối thương mại đối với sản phẩm trong thời gian và không gian nhất định);
2. Những tài sản trí tuệ có đồng chủ sở hữu, khi chuyển giao quyền sử dụng phải có các bên đồng chủ sở hữu đồng ý và có văn bản thoả thuận cho một bên đồng chủ sở hữu đại diện cho các bên đứng tên ký vào hợp đồng nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các đồng chủ sở hữu;
3. Chuyển giao quyền sử dụng không độc quyền: là việc Nhà trường cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn và trong phạm vi nhất định một số quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc giống cây trồng;
4. Các tổ chức, cá nhân được nhận quyền sử dụng không được chuyển quyền sử dụng cho bên thứ ba khi chưa được Trường đồng ý bằng văn bản;

5. Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sản phẩm trí tuệ phải được lập thành văn bản với đầy đủ nội dung:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của mỗi bên;
- b) Căn cứ chuyển nhượng;
- c) Phạm vi chuyển quyền;
- d) Giá, phương thức thanh toán;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;

Việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt, huỷ bỏ hợp đồng...theo quy định của Hợp đồng kinh tế của Bộ Luật dân sự năm 2005, đồng thời quy định rõ hình thức và nội dung và thời gian chuyển giao quyền sử dụng.

6. Giá chuyển giao quyền sử dụng phải tính đủ các yếu tố:

- a) Chi phí quản lý nghiên cứu;
- b) Chi phí nộp thuế nhà nước;
- c) Lợi nhuận.

Điều 3. Chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản trí tuệ

1. Chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản trí tuệ là Trường chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Những tài sản trí tuệ có đồng chủ sở hữu sở hữu, khi chuyển nhượng quyền sở hữu phải có các bên đồng chủ sở hữu đồng ý và có văn bản thoả thuận cho một bên đồng chủ sở hữu đại diện cho các bên đứng tên ký vào hợp đồng nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các đồng chủ sở hữu.

3. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản trí tuệ phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

4. Nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản trí tuệ phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên đầy đủ và địa chỉ của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng;
- b) Căn cứ để chuyển nhượng;
- c) Giá chuyển nhượng;
- d) Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng

5. Giá chuyển nhượng phải tính đủ các yếu tố sau:

- a) Chi phí đầu tư cho việc nghiên cứu trước;
- b) Chi phí đăng ký và duy trì hiệu lực của bảo hộ sở hữu trí tuệ;
- c) Chi phí quản lý nghiên cứu;
- d) Các chi phí khác hợp lệ (chi phí quảng bá sản phẩm, trình diễn,...);
- đ) Chi phí nộp thuế nhà nước;
- e) Lợi nhuận.

6. Hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 4. Đánh giá khả năng khai thác thương mại tài sản trí tuệ

Trung tâm Sở hữu trí tuệ cùng tác giả thực hiện đánh giá khả năng khai thác thương mại tài sản trí tuệ theo các nội dung chính sau:

1. Xác định các yếu tố có khả năng khai thác thương mại;
2. Lập danh sách, phân tích và đánh giá đối tác tiềm năng có nhu cầu sử dụng tài sản trí tuệ;
3. Đánh giá hình thức khai thác thương mại khả thi.

Điều 5. Khai thác thương mại tài sản trí tuệ

1. Tác giả cùng với Trung tâm Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm khai thác thương mại tối đa tài sản trí tuệ với các điều kiện thuận lợi nhất.

2. Ưu tiên chuyển giao cho các bên đã cùng tham gia vào quá trình tạo ra tài sản trí tuệ.

3. Tác giả không được chuyển giao tài sản trí tuệ khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu (Nhà trường và đối tác liên quan nếu có)

4. Trong quá trình thương thảo để ký kết hợp đồng chuyển giao tài sản trí tuệ phải có sự tham gia của đại diện Trung tâm Sở hữu trí tuệ.

Điều 6. Phân chia lợi nhuận tài sản trí tuệ sau thương mại hoá

Các loại tài sản trí tuệ được thương mại hoá (gồm hình thức chuyển giao quyền sử dụng và chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản trí tuệ), sau khi trừ các chi phí hợp lệ, phần lợi nhuận sẽ được phân chia như sau:

1. Đối với tài sản trí tuệ do Trường là chủ sở hữu: Toàn bộ lợi tức nộp vào tài sản Trường để chi cho hoạt động khoa học công nghệ của Trường.

2. Đối với tài sản trí tuệ do Trường, tập thể và cá nhân là chủ sở hữu:

a). Tác giả sản phẩm trí tuệ: 30%;

b). Trường: 50% (đưa vào quỹ phát triển hoạt động khoa học công nghệ);

c). Đơn vị của tác giả: 20%. Phần dành cho đơn vị do tập thể lãnh đạo đơn vị quyết định phân chia quỹ đơn vị, bộ môn/phòng nghiên cứu (tái đầu tư về khoa học công nghệ).

3. Đối với tài sản trí tuệ do tập thể, cá nhân là chủ sở hữu:

a) Tập thể, cá nhân: 80%;

b) Trường: 20% nộp vào tài sản Trường để chi cho hoạt động khoa học công nghệ.

4. Đối với tài sản trí tuệ do Trường và các bên đồng chủ sở hữu theo hợp đồng khi phân phối sẽ theo nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng đã ký.

5. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ phải xin phép và trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu tài sản trí tuệ và tác giả.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp và xử lý những vi phạm quy định

1. Giải quyết tranh chấp

a) Các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ và các lợi ích có liên quan được khuyến khích giải quyết bằng hòa giải.

b) Trung tâm Sở hữu trí tuệ là đầu mối tổ chức hòa giải các tranh chấp về sở hữu trí tuệ.

c) Trường hợp hòa giải không thành, Trung tâm Sở hữu trí tuệ đề xuất phương án xử lý trình Hiệu trưởng phê duyệt chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày phát hiện xảy ra tranh chấp.

2. Xử lý vi phạm quy định

Các cá nhân, tổ chức tự ý thương mại hoá tài sản trí tuệ thuộc Trường không thông qua Nhà trường mà gây thiệt hại về giá trị vật chất và uy tín của Trường:

a) Nếu hợp đồng chưa thực hiện, Hiệu trưởng sẽ tuyên bố hợp đồng vô hiệu và các bên làm thủ tục thương thảo và ký lại hợp đồng.

b) Nếu hợp đồng đã thực hiện, tùy theo mức độ thiệt hại, cá nhân, tổ chức đó sẽ bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên; đồng thời, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất cho Trường và bị phạt 5% số lợi nhuận theo quy định được hưởng.

c) Nếu đặc biệt nghiêm trọng, cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung phải thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và được Hiệu trưởng phê duyệt

Điều 9. Hướng dẫn thi hành

Phòng QLKH&QHQT, Trung tâm Sở hữu trí tuệ, Ban lãnh đạo các khoa, Thủ trưởng các phòng ban, trung tâm có nhiệm vụ tổ chức triển khai, hướng dẫn chi tiết nội dung quy chế này đến toàn thể giảng viên, cán bộ công nhân trong đơn vị nghiêm túc thực hiện.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Cao Văn

QUY ĐỊNH

Về kế hoạch chiến lược và chính sách về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Hùng Vương

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-ĐHHV ngày 07 / 04 /2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

Điều 1. Chính sách về sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Hùng Vương

1. Ưu tiên đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng liên quan của Trường làm công tác về sở hữu trí tuệ và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Xúc tiến sự sáng tạo tạo ra tài sản trí tuệ: tăng cường sự sáng tạo tài sản trí tuệ của giảng viên, cán bộ nghiên cứu, sinh viên trong nhà trường. Tuyên truyền, khuyến khích việc bồi dưỡng những sáng tạo và giúp đỡ các chuyên gia nghiên cứu.

3. Củng cố và tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: Việc này được thực hiện thông qua sự hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ với tác giả của tài sản trí tuệ trong nhà trường. Liên kết chặt chẽ với các tổ chức về sở hữu trí tuệ để thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong nhà trường.

4. Sử dụng tài sản trí tuệ: Xúc tiến việc chuyển giao công nghệ từ nhà trường; đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu và sử dụng tài sản trí tuệ.

5. Sự tiến bộ, mở rộng các yêu cầu để củng cố và nâng cao trình độ nhân lực: Nuôi dưỡng sự lớn mạnh của các chuyên gia trong lĩnh vực này; khuyến khích, khuấy động nhận thức của giảng viên, cán bộ nghiên cứu và sinh viên trong nhà trường về sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Kế hoạch chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ được xây dựng trong kế hoạch khoa học và công nghệ của Trường 5 năm và hàng năm, trên cơ sở định hướng phát triển của nhà trường và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ trước đó. Kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ của nhà trường được định hướng phù hợp với chiến lược phát triển các lĩnh vực ưu tiên, sản phẩm, ngành công nghiệp chủ lực địa phương và các yếu tố khác.

2. Nội dung cơ bản của Kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ bao gồm:

a) Xây dựng và thực thi Quy định về sở hữu trí tuệ trong trường đại học Hùng Vương;

b) Xây dựng cơ quan chuyên trách về sở hữu trí tuệ trong nhà trường: Tư vấn cho Ban giám hiệu về thực hiện quyền đối với tài sản trí tuệ, sử dụng tài sản trí tuệ và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

c) Xây dựng mục tiêu và chiến lược về sở hữu trí tuệ của nhà trường;

d) Dự báo các tài sản trí tuệ được phát sinh và xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm cho các hoạt động sở hữu trí tuệ của nhà trường;

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chính sách, pháp luật quốc gia và quốc tế về sở hữu trí tuệ.

f) Tổ chức hoạt động thông tin sở hữu trí tuệ: Xây dựng cơ sở dữ liệu sở hữu trí tuệ phục vụ công tác quản lý và đáp ứng nhu cầu về thông tin của các tổ chức, cá nhân của nhà trường; trang bị phương tiện tra cứu, cung cấp tin (máy tính, phần mềm tra cứu...) cho các tổ chức, cá nhân trong nhà trường;

g) Tổ chức hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản trí tuệ của nhà trường;

h) Tổ chức tiếp nhận khai báo, đánh giá sơ bộ khả năng bảo hộ và tiềm năng thương mại các tài sản trí tuệ;

i) Tổ chức việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ; phân tích đánh giá thị trường thương mại tiềm năng; tổ chức đàm phán, ký kết chuyển giao tài sản trí tuệ;

k) Xây dựng các chương trình hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tạo nhằm tạo ra tài sản trí tuệ trong nhà trường;

l) Tổ chức phối hợp với các cơ quan khác trong việc thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ trong nhà trường.

m) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ trong nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Cao Văn